

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện
dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-BCT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 936/TTr-SCT ngày 14 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 103 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

¹ Địa chỉ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ
(Cục Chuyển đổi số Quốc gia) (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	Ghi chú
I. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU					
1	1.001419.H56	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
2	1.003438.H56	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
3	1.001062.H56	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
4	1.000957.H56	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
5	1.000905.H56	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
6	1.000890.H56	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
7	1.004155.H56	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	

8	1.004181.H56	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
9	2.001758.H56	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
10	1.000551.H56	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
11	1.000477.H56	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
12	1.000264.H56	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
13	1.001238.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
14	1.001104.H56	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
15	1.000400.H56	Cấp Chứng thư xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	
II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ					
1	2.000243.H56	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	

2	1.000880.H56	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	
3	1.003390.H56	Thông báo ứng dụng Thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	
III. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG					
1	2.000140.H56	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
2	2.000066.H56	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG					
1	1.000667.H56	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	
2	2.000209.H56	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	
3	1.000162.H56	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	
4	1.000172.H56	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	

5	1.000949.H56	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	
V. LĨNH VỰC HOÁ CHẤT					
1	1.003820.H56	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
2	1.003775.H56	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
3	2.001585.H56	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
4	1.003724.H56	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
5	2.001722.H56	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
6	1.004031.H56	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
7	2.000431.H56	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
8	2.000257.H56	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hoá chất	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
VI. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ					

1	1.003401.000.00.00.H56	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	
VII. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI					
1	2.000026.H56	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại ở nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
2	2.000133.H56	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
3	2.000004.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
4	2.000002.000.00.00.H56	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
5	2.000033.000.00.00.H56	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
6	2.001474.000.00.00.H56	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
7	2.000131.000.00.00.H56	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	

8	2.000001.000.00.00.H56	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	
VIII. LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG					
1	2.000191.000.00.00.H56	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
IX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP					
1	2.000309.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	
2	2.000631.000.00.00.H56	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	
3	2.000619.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	
4	2.000609.000.00.00.H56	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	
5	2.001573.H56	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
6	1.003705.H56	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
X. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM					
1	2.000117.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình

		phẩm do Bộ Công Thương thực hiện			
2	2.000115.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
3	2.000591.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
4	2.000535.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình

XI. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC

1	1.001338.H56	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
2	1.001323.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
3	2.000598.H56	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
4	1.003977.H56	Cấp Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình

5	1.005376.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
6	1.003101.H56	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
7	2.000666.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
8	2.000664.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
9	2.000673.000.00.00.H56	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
10	2.000672.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
11	2.000672.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
12	2.000648.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
13	2.000645.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	
14	2.000647.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	

15	2.000190.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
16	2.000176.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
17	2.000167.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
18	2.001624.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
19	2.001619.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
20	2.000636.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
21	2.000633.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	Chuyển từ một phần lên toàn trình
22	1.001279.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	Chuyển từ một phần lên toàn trình
23	2.000629.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	Chuyển từ một phần lên toàn trình
24	2.000181.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	Chuyển từ một phần lên toàn trình

25	2.000162.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	Chuyển từ một phần lên toàn trình
26	2.000150.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	Chuyển từ một phần lên toàn trình
27	2.000620.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	
28	2.000615.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	
29	2.001240.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Cấp xã	

XII. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

1	1.001271.H56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
2	2.000618.H56	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
3	2.000613.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
4	1.000878.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
5	2.000401.H56	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
6	2.000251.H56	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	

7	1.001292.H56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
8	2.000628.H56	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
9	2.000624.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
10	2.000604.H56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
11	2.001675.H56	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
12	2.001665.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	
XIII. LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG, SẢN PHẨM HÀNG HÓA					
1	1.013990.H56	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Chất lượng sản phẩm, hàng hoá	Cấp tỉnh	
2	2.000046.H56	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Chất lượng sản phẩm, hàng hoá	Cấp tỉnh	
XIV. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI					
1	1.005190.000.00.00.H56	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình

2	2.000110.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
XV. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ					
1	1.000376.H56	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại Quốc tế	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
XVI. LĨNH VỰC ĐIỆN					
1	1.013417.H56	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
2	1.013418.H56	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
3	1.013419.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
4	1.013420.H56	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình